

Emma W. Shuey Elementary School

2022-2023 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (Xuất bản trong năm học 2023-2024)



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web về LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khỏi Trường Học tại California



Bảng thông tin Trường học California (Bảng thông tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet	Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.
-------------------	---

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2023 – 2024	
Tên Trường	Emma W. Shuey Elementary School
Đường	8472 Wells Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	Rosemead, CA 91770
Số điện thoại	(626) 287-5221
Hiệu trưởng	Debra Letcher-Boeve
Địa chỉ Email	Debra Letcher-Boeve <dletcher-boeve@rosemead.k12.ca.us
Trang web của Trường	www.rosemead.k12.ca.us/Shuey
Mã Học khu của Quận (CDS)	19-64931-6022164

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2023-24	
Tên Học khu	Rosemead School District
Số điện thoại	(626) 312-2900
Giám đốc	Mr. Alejandro Ruvalcaba
Địa chỉ Email	aruvalcaba@rosemead.k12.ca.us
Trang web Học khu	www.rosemead.k12.ca.us

Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024
Thông điệp từ hiệu trưởng Kể từ tháng 11 năm 1988, pháp luật tiểu bang đã yêu cầu tất cả các trường công lập nhận được kinh phí từ tiểu bang để chuẩn bị và phân phát Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC). Mục đích của phiếu báo cáo là cung cấp cho các phụ huynh và cộng đồng thông tin quan trọng về từng trường công lập. SARC cũng là cách báo cáo về tiến độ đạt được mục tiêu của nhà trường. Tọa lạc tại thành phố Rosemead của Thung lũng San Gabriel, Trường Tiểu học Emma W. Shuey được thành lập với tên gọi Trường Wells Street vào năm 1953. Shuey School là trường tiểu học dành cho học sinh từ mẫu giáo đến lớp 6, hiện có 463 học sinh đang theo học. Trường có 28 phòng học, 1 Chương trình Chuyên gia tài nguyên, 1 lớp Ngày đặc biệt dành cho các lớp 4-6, 1 lớp giáo dục đặc biệt nhu cầu chuyên sâu dành cho trẻ mẫu giáo và 1 lớp hỗ trợ Phát triển/Can thiệp tiếng Anh. Dân số đa sắc tộc của Shuey bao gồm 67,3% người châu Á, 28,8% người gốc Tây Ban Nha, 1,6% người da trắng, 0,2% từ hai chủng tộc trở lên và 0,4% người Mỹ gốc Phi. Người học tiếng Anh chiếm 45,1% tổng số học sinh và 69,2% học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội. Tầm nhìn của Trường Emma W. Shuey là nuôi dưỡng trong mỗi học sinh lòng yêu thích học tập, tính tò mò khám phá, thói quen làm việc hiệu quả và kỹ năng ra quyết định hiệu quả. Bằng cách sử dụng các công cụ và chiến lược dựa trên nghiên cứu mới nhất, học sinh sẽ trở thành những nhà tư tưởng sáng tạo và những công dân có trách nhiệm, tôn trọng sự đa dạng và sở hữu các kỹ năng học tập cũng như thói quen làm việc cần thiết để đạt được thành công bền vững trong tương lai. Bảng thông minh tương tác, chromebook 1-1 và hệ thống khuếch đại giọng nói được sử dụng trong toàn trường. Vào năm 2023, Trường Shuey liên tục vượt trội so với Học khu Rosemead và Tiểu bang California về Đánh giá Cân bằng Thông minh hơn (SBAC) ở cả môn ngữ văn tiếng Anh (ELA) và toán học. Bảng thông tin California năm 2023 minh họa rằng 64% học sinh Shuey đạt hoặc vượt ELA so với Học khu là 58%; và 61% học sinh Shuey đạt hoặc vượt môn Toán so với Học khu là 51%. Sức khỏe cảm xúc xã hội của học sinh vẫn là một lĩnh vực trọng tâm. Tôn vinh tiếng nói của học sinh và phát triển kỹ năng lãnh đạo là nền tảng của trường chúng tôi. Cả

Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Leader in Me và PBIS đều được triển khai nhất quán trong toàn trường. Năm 2022, Shuey được tái chứng nhận là Trường Hải đăng. Năm 2023 Trường Shuey được trao huy chương Thực hiện PBIS ở cấp độ Bạch kim.

Xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với phụ huynh và cộng đồng là rất quan trọng đối với sự thành công của học sinh. Mọi thông tin liên lạc tới phụ huynh đều được gửi về nhà bằng 5 ngôn ngữ phổ biến: tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Quan Thoại, tiếng Quảng Đông và tiếng Việt. Class Dojo và Black Board, nơi dịch các thông điệp cho phụ huynh bằng những ngôn ngữ phổ biến nhất của chúng tôi, đã hoạt động hiệu quả trong việc tiếp cận cộng đồng đa ngôn ngữ của chúng tôi. Sức mạnh tổng hợp của các giáo viên và nhân viên nhà trường tận tâm và hiểu biết, sự tham gia của phụ huynh và các thành viên cộng đồng cũng như những học sinh chăm chỉ, xuất sắc được xây dựng dựa trên lịch sử đáng kinh ngạc của trường, tạo ra một môi trường học tập năng động và thú vị và lấy trẻ em làm trung tâm.

Debra Letcher-Boeve, Ed.D., Hiệu trưởng

Thông điệp từ Giám đốc:

Kính gửi các Thành viên của Cộng đồng Học khu Rosemead,

Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Trường học là một nguồn thông tin toàn diện bao gồm thông tin chi tiết về các trường học, chương trình học tập, thành tích, tài liệu giảng dạy, cơ sở vật chất và các chuyên gia tận tâm bao gồm đội ngũ nhân viên đáng kính của chúng tôi. Cốt lõi sứ mệnh của chúng tôi là cam kết vững chắc trong việc cung cấp một chương trình giáo dục có chất lượng tuyệt vời cho học sinh của chúng tôi.

Cam kết của chúng tôi là cung cấp một bầu không khí kích thích, nơi học sinh không chỉ được khuyến khích mà còn được thử thách để đạt được tiềm năng tối đa của mình. Chúng tôi kiên quyết cam kết thúc đẩy một môi trường học tập năng động trong Trường Rosemead, trong đó học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và phát triển các giá trị tích cực. Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Trường học, bao gồm thông tin toàn diện về khu học chánh của chúng tôi, tiếp tục đóng vai trò là minh chứng cho sự minh bạch và cam kết hướng tới sự xuất sắc của chúng tôi. Để biết thêm thông tin về khu học chánh của chúng tôi, tôi mời bạn khám phá trang web của chúng tôi tại <http://www.rosemead.k12.ca.us>.

Khu học chánh của chúng tôi khuyến khích sự tham gia tích cực của phụ huynh và cộng đồng thông qua nhiều con đường khác nhau, bao gồm việc tham gia vào các ủy ban quản trị và các cơ hội tình nguyện trong các trường học và lớp học của chúng tôi. Thông tin chi tiết về việc tham gia và đóng góp cho cộng đồng giáo dục của chúng tôi có thể được lấy bằng cách đến thăm các trường học hoặc văn phòng khu học chánh của chúng tôi. Sự tham gia và hỗ trợ của bạn là công cụ giúp hiện thực hóa tầm nhìn chung của chúng tôi về một trải nghiệm giáo dục phong phú.

Trân trọng,

Alejandro Ruvalcaba, Ph.D.
Giám đốc trường học

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	75
Lớp 1	59
Lớp 2	69
Lớp 3	55
Lớp 4	71
Lớp 5	62
Lớp 6	63
Tổng Ghi danh	454

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23	
Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	48.7%
Nam	51.3%
Người gốc Châu Á	63.4%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.4%
Người Phi Luật Tân	0.9%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	32.2%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	0.7%
Người Da trắng	2.2%
Sinh viên nói tiếng anh	43.2%
Những đứa con nuôi	0.2%
Vô gia cư	1.1%
Nhập cư	0.9%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	71.4%
Học sinh khuyết tật	7.7%

A. Điều kiện Học tập	Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1): - Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy; - Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và - Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.
----------------------	--

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021						
Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	20.90	95.45	102.70	93.48	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	0.90	0.90	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	1.40	1.33	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	12115.80	4.41
Không xác định	0.90	4.50	4.60	4.27	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	21.90	100.00	109.80	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	24.40	96.08	112.00	97.46	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	0.50	0.43	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.40	0.37	11953.10	4.28
Không xác định	0.90	3.88	1.90	1.73	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	25.40	100.00	114.90	100.00	279044.80	100.00

CDE đã công bố dữ liệu giáo viên có sẵn năm đầu tiên cho SARC năm học 2020 – 2021 vào tháng 6 năm 2022 và CDE đã công bố dữ liệu năm thứ hai cho SARC năm học 2021 – 2022 vào tháng 6 năm 2023. Mục 33126(b)(5) của EC yêu cầu dữ liệu giáo viên của ba năm gần đây nhất phải có trong SARC, vì dữ liệu có sẵn. Dữ liệu giáo viên cho SARC năm học 2022 – 2023 sẽ không có trước ngày 1 tháng 2 năm 2024, do đó không được đưa vào mẫu.

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	0.00
Bổ nhiệm sai	0.00	0.00
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0.00	0.00

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	0.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.00	0.00

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Phân công lớp học

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0	0
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Học Khu Rosemead ưu tiên cung cấp sách giáo khoa và tài liệu chất lượng cao để hỗ trợ các chương trình giảng dạy. Học khu Rosemead đã tổ chức một buổi điều trần công khai và xác định rằng sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy và thiết bị phòng thí nghiệm khoa học đều đầy đủ và có chất lượng tốt tại mỗi trường trong học khu, theo thỏa thuận giữa Williams và Tiểu bang California. Tất cả học sinh, bao gồm cả học sinh học Anh ngữ, đều được cung cấp sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn của riêng mình ở các môn học chính để sử dụng tại lớp học và ở nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đều tuân theo Khung chương trình và tiêu chuẩn về nội dung của Tiểu bang và đã được Hội đồng ủy thác phê duyệt. Học khu Rosemead tuân theo Chu trình thông qua tài liệu giảng dạy của Tiểu bang để xem xét các tài liệu giảng dạy trong mỗi lĩnh vực chương trình giảng dạy trong chu kỳ sáu năm. Bảng dưới đây minh họa các sách giáo khoa hiện đang được sử dụng tại trường học của chúng tôi. Tất cả các sách giáo khoa đều được cung cấp đầy đủ và tình trạng tốt đến xuất sắc. 100% học sinh trong mỗi môn học chính đều được trang bị sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cần thiết.

Thư viện của trường có rất nhiều sách để học sinh có thể đọc. Học sinh đến thăm thư viện hàng tuần cùng với lớp của mình trong thời gian giảng dạy trực tiếp. Các giao thức và quy trình đang được phát triển để cho phép học sinh kiểm tra sách từ thư viện một cách an toàn trong quá trình đào tạo từ xa. Trường cũng có một thư viện sách được nâng cấp toàn diện về các loại sách hướng dẫn đọc và Phát triển Anh ngữ để hỗ trợ Accelerated Reader Program. Máy tính tại trường được kết nối internet thông qua đường truyền tốc độ cao để học sinh có thể truy cập các tài nguyên và thông tin trực tuyến, đồng thời phát triển các kỹ năng nghiên cứu của mình. Trường đang nỗ lực để tích hợp các kỹ năng và khái niệm về máy tính trong toàn bộ chương trình giảng dạy. Các học sinh từ lớp TK đến lớp 6 được hướng dẫn với sự hỗ trợ của máy tính hàng tuần trong phòng máy tính hiện đại của chúng tôi. Mỗi lớp học cũng có quyền truy cập vào Chromebook, iPad, Smartboard và hệ thống khuếch đại giọng nói. Các chương trình phần mềm, bao gồm Accelerated Reader, Imagine Learning Language and Literacy, Fast ForWord và i-Ready, giúp học sinh phát triển các kỹ năng đọc, viết, toán và đánh máy.

Tháng, năm thu thập dữ liệu		Tháng 10 năm 2023	
Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	McGraw Hill: Wonders (Lớp K-6) Thông qua năm 2017	Có	0%

Toán	Houghton Mifflin Harcourt: Go Math (Lớp K-5) Houghton Mifflin: Go Math Intermediate (Lớp 6) Thông qua năm 2015	Có	0%
Khoa học	TCI Bring Science Alive! (Lớp K-6) Thông qua năm 2020	Có	0%
Lịch sử-Khoa học Xã hội	TCI History Alive! (Lớp K-8) Thông qua năm 2023	Có	0%
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Không có thông tin	Không có thông tin	

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Xây dựng năm 1953, với các lần xây dựng thêm vào năm 1970 và 1997, các cơ sở của Trường Shuey bao gồm 53.268 feet vuông. Bao gồm các lớp học cố định và linh động, phòng máy tính, phòng đa năng, thư viện, phòng quản lý và phòng vệ sinh. Một dự án hiện đại hóa hai lớp mẫu giáo, phòng vệ sinh cho học sinh và máy nước đã được hoàn tất tháng 9 năm 2006. Một dự án hiện đại hóa tòa nhà quản lý và giai đoạn thứ hai trong ba giai đoạn nâng cấp hệ thống điện chính đã được hoàn tất tháng 9 năm 2007. Hoạt động cải tiến lớp mẫu giáo và phòng đa năng đã được hoàn tất tháng 1 năm 2017. Hệ thống mái đã được thay thế tại các phòng học cố định tháng 8 năm 2016. Trong mùa hè năm 2017, 9 phòng học đã được phá hủy và thay thế bằng 12 phòng học và phòng vệ sinh dành cho nhân viên mới và học sinh. Trong năm 2019, Shuey đã thay thế các thiết bị của hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC) bằng các mẫu tiết kiệm năng lượng trong dự án Proposition 39 Clean Energy Jobs Act.

Bảo trì và sửa chữa

Vấn đề về an toàn là ưu tiên số một trong Hoạt động bảo trì và vận hành. Giám sát viên bảo trì của học khu chủ động thực hiện hoạt động kiểm tra liên tục tại các trường. Cần thực hiện sửa chữa để giữ cho trường luôn ở điều kiện tốt và yêu cầu công việc được hoàn tất kịp thời. Quy trình yêu cầu công việc thực hiện trên máy tính được sử dụng để đảm bảo dịch vụ hiệu quả và các sửa chữa khẩn cấp sẽ được ưu tiên cao nhất. Nhân viên bảo trì học khu đã cho biết rằng 100% các nhà vệ sinh của trường đều nằm trong yêu cầu công việc.

Lịch biểu và quy trình vệ sinh

Ban giám sát học khu đã thông qua các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường tại học khu. Có thể tìm hiểu thông tin tóm lược các tiêu chuẩn này tại văn phòng trường hoặc tại văn phòng học khu. Nhóm quản lý điểm trường làm việc hàng ngày với nhân viên giám sát để phát triển lịch vệ sinh nhằm đảm bảo trường học sạch sẽ và an toàn. Để đáp ứng với đại dịch COVID-19, các phương pháp vệ sinh đã được cập nhật để vệ sinh thường xuyên hơn các khu vực công cộng (ví dụ: phòng vệ sinh) và phun chất khử khuẩn cho tất cả các khu vực.

Dự án bảo trì trì hoãn

Kinh phí cho hoạt động bảo trì trì hoãn được sử dụng kết hợp với kinh phí khác dành cho nhà trường để hoàn tất việc sửa chữa và thay thế nếu thích hợp. Hoạt động bảo trì trì hoãn của học khu cần được xem xét và cập nhật hàng năm.

Bảng sau trình bày về hoạt động kiểm tra gần đây nhất tại các cơ sở.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Tháng 12 năm 2023

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			Hệ thống đã nhận được đánh giá 100%.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X		Đánh giá nội thất 94% 2 Trần nhà bị ố và nứt
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X		Đánh giá độ sạch 100% (tủ điện cần được dọn sạch)
Điện	X		Đánh giá điện 100%
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X		Nhà vệ sinh/bồn tắm đạt 100%
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X		Đánh giá an toàn 100%
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X		Đánh giá kết cấu 100%
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X		Đánh giá bên ngoài 100%

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể			
Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Độc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	64	64	58	57	47	46
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	58	62	49	50	33	34

2022-23 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	261	256	98.08	1.92	63.67
Nữ	130	127	97.69	2.31	66.93
Nam	131	129	98.47	1.53	60.47
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	175	174	99.43	0.57	71.84
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	73	72	98.63	1.37	44.44
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	71	67	94.37	5.63	25.37

Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	137	135	98.54	1.46	55.56
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	18	18	100.00	0.00	11.11

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	261	260	99.62	0.38	61.54
Nữ	130	129	99.23	0.77	61.24
Nam	131	131	100.00	0.00	61.83
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	175	175	100.00	0.00	76.57
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	73	72	98.63	1.37	30.56
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	71	71	100.00	0.00	33.80
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	137	136	99.27	0.73	51.47
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	18	18	100.00	0.00	11.11

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA. “Phần trăm đáp ứng hoặc vượt qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3 - Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	50.75	48.44	42.89	40.11	29.47	30.29

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	64	64	100.00	0.00	48.44
Nữ	30	30	100.00	0.00	43.33
Nam	34	34	100.00	0.00	52.94
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	43	43	100.00	0.00	65.12
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0	0	0
Người Phi Luật Tân	0	0	0	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	19	19	100.00	0.00	10.53
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0	0	0	0
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	19	19	100.00	0.00	15.79
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	31	31	100.00	0.00	29.03
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California năm học 2022 – 2023					
Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California. Công tác quản lý PFT trong các năm học 2021 – 2022 và 2022 – 2023, chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.					
Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	98.4%	96.8%	96.8%	95.2%	100%

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024
Phụ huynh và các thành viên cộng đồng được khuyến khích để trở thành đối tác cộng tác tại Trường Shuey. Nền tảng của mối quan hệ hợp tác này là giao tiếp. Các cuộc họp phụ huynh được tổ chức trên zoom bằng tất cả các ngôn ngữ chính: Quan Thoại, Quảng Đông, Tây Ban Nha và tiếng Việt. Phụ huynh nhận được điện thoại thông báo về các sự kiện sắp diễn ra vào Chủ nhật hàng tuần bằng cả 5 ngôn ngữ. Class Dojo được sử dụng trong mọi lớp học với sự kết nối của đa số phụ huynh. Phụ huynh được thông báo về các hoạt động trong lớp, bài tập và sự kiện của trường thông qua ứng dụng cũng dịch tin nhắn sang tất cả các ngôn ngữ. Phụ huynh được hoan nghênh tham gia các chuyến đi thực tế có người đi cùng và tham gia vào PTA. PTA hợp tác chặt chẽ với nhà trường để tổ chức các sự kiện ban đêm thân thiện với gia đình, gây quỹ cho các chuyến đi thực tế của trường và hỗ trợ tổ chức các lễ kỷ niệm như Read Across America. Tất cả phụ huynh được khuyến khích tham gia vào một hoặc tất cả các hoạt động PTA của chúng tôi. Để biết thông tin về các chương trình của trường và học khu, vui lòng liên hệ với văn phòng trường theo số (626) 287-5221.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Trung học 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Tỷ Lệ Bỏ Học							9.4	7.8	8.2
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							83.6	87	86.2

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bắt kỳ học sinh	0.0	0.0	0.0
Nữ	0.0	0.0	0.0
Nam	0.0	0.0	0.0
Phi nhị giới			
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.0	0.0	0.0
Người gốc Châu Á	0.0	0.0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.0	0.0	0.0
Người Phi Luật Tân	0.0	0.0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.0	0.0	0.0
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0.0	0.0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.0	0.0	0.0
Người Da trắng	0.0	0.0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	0.0	0.0	0.0
Những đứa con nuôi	0.0	0.0	0.0
Vô gia cư	0.0	0.0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.0	0.0	0.0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	0.0	0.0	0.0
Học sinh khuyết tật	0.0	0.0	0.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bắt kỳ học sinh	485	479	68	14.2
Nữ	236	233	24	10.3

Nam	249	246	44	17.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0.0
Người gốc Châu Á	303	299	9	3.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	2	2	0	0.0
Người Phi Luật Tân	4	4	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	161	159	55	34.6
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	4	4	2	50.0
Người Da trắng	10	10	2	20.0
Sinh viên nói tiếng anh	215	210	24	11.4
Những đứa con nuôi	4	3	1	33.3
Vô gia cư	8	8	7	87.5
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	348	344	61	17.7
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	4	4	1	25.0
Học sinh khuyết tật	45	44	13	29.5

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Tốc độ	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Đình chỉ	0.21	0.18	0.62	0.04	1.08	1.76	0.20	3.17	3.60
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.07	0.08

Tình trạng đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	0.62	0
Nữ	0	0
Nam	1.2	0
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0

Người gốc Châu Á	0.66	0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0
Người Phi Luật Tân	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.62	0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0
Người Da trắng	0	0
Sinh viên nói tiếng anh	0.93	0
Những đứa con nuôi	0	0
Vô gia cư	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.86	0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0	0
Học sinh khuyết tật	2.22	0

Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học năm học 2023 – 2024

Kế hoạch Đảm bảo An toàn Trường Học

Tất cả các trường công lập ở California phải phát triển một kế hoạch an toàn trường học toàn diện theo các mục 32280-32289 của Bộ luật giáo dục California. Kế hoạch này cung cấp cho học sinh và nhân viên một phương thức để đảm bảo một môi trường học tập an toàn và có trật tự. Học khu cung cấp một danh sách kiểm tra tuân thủ để đảm bảo rằng kế hoạch của mỗi trường đều toàn diện. Danh sách kiểm tra này cũng yêu cầu đảm bảo rằng các bên liên quan, bao gồm phụ huynh và Hội đồng điểm trường, đều tham gia vào việc phát triển của kế hoạch. Ngoài ra, mỗi kế hoạch trường học bao gồm các yêu cầu sau: hiện trạng tội phạm học đường, quy trình báo cáo lạm dụng trẻ em, quy trình về thảm họa, quy trình thường quy và trường hợp khẩn cấp, các chính sách liên quan đến đình chỉ và đuổi học, thông báo cho giáo viên, chính sách về quấy rối tình dục, đưa ra quy định về trang phục cho toàn trường, ra vào an toàn cho học sinh, phụ huynh và nhân viên nhà trường, môi trường học tập an toàn và trật tự, các quy tắc và thủ tục của trường.

Trường Shuey là một khu học xá khép kín. Trong giờ học, tất cả các cổng đều được bảo vệ an toàn, và tất cả du khách đều phải thông qua phòng lễ tân. Trong giờ ăn trưa, giờ nghỉ và trước và sau giờ học, các giám thị và giáo viên trực buổi trưa sẽ giám sát học sinh và khuôn viên nhà trường, bao gồm cả nhà ăn và sân chơi, để đảm bảo một môi trường an toàn và trật tự.

Các cuộc diễn tập phòng cháy chữa cháy, phong tỏa và động đất theo lịch trình thường xuyên được tiến hành, và áp dụng các quy trình và sửa đổi với mỗi cuộc diễn tập. Học khu sử dụng Hệ thống quản lý khẩn cấp Catapult, là một hệ thống trực tuyến để cảnh báo cho tất cả nhân viên và những người ứng cứu đầu tiên về các tình huống khẩn cấp thông qua máy tính xách tay, điện thoại, ipad hoặc các thiết bị khác của họ. Tất cả nhân viên đều được đào tạo để sử dụng hệ thống Catapult. Các cuộc diễn tập được tổ chức bằng hệ thống Catapult.

Ngoài ra, nhân viên đã được đào tạo để sử dụng bảng “Trung tâm chỉ huy”, bảng này cung cấp điểm chung về tài liệu và lưu trữ hồ sơ trong quá trình diễn tập. Đánh giá chuyên cần và mọi bất thường khác đều được báo cáo cho “Trung tâm chỉ huy”, đây là điểm phản hồi trung tâm. Số phòng được sơn trên nền đen, tạo khu vực riêng biệt cho mỗi lớp để xếp hàng trong trường hợp học sinh nghỉ giải lao. Tất cả các lớp đều có biển phòng, dùng để phân định các lớp trong tình huống sơ tán. Các lớp học được xếp theo thứ tự quy định và sơ tán cùng các lớp sơ tán cùng nhau. Cách này giúp xác định nhanh chóng các cá nhân mất tích hoặc bị thương và các tình huống khẩn cấp khác. Một ba lô khẩn cấp đã được phát cho tất cả các lớp học. Ba lô này chứa danh sách người có mặt hiện tại, quy trình sơ tán và bản đồ, danh sách các lớp sơ tán cùng nhau và quy trình phong tỏa. Ngoài ra, còn có một thẻ lật khẩn cấp, đưa ra hướng dẫn cho từng trường hợp thảm họa khác nhau bao gồm phong tỏa, hỏa hoạn, động đất, v.v. Khi sơ tán, giáo viên mang theo ba lô, trong đó có tất cả thông tin cần thiết. Các thùng cho tình huống phong tỏa chứa thực phẩm và đồ dùng nhà vệ sinh được cấp cho mọi lớp học và phòng trong khuôn viên trường. Các khối chặn được sử dụng để các cửa được giữ ở vị trí khóa trong ngày học, nhưng học sinh và nhân viên có thể tiếp cận được cửa. Bằng cách sử dụng khóa cửa, nhân viên sẽ không phải tìm chìa khóa trong trường hợp khẩn cấp; họ chỉ cần trượt khóa cửa để giữ chặt cửa. Mỗi năm trường tham gia cuộc diễn tập Great Shakeout Drill để chuẩn bị cho động đất.

Nhà trường sẽ đánh giá kế hoạch hàng năm và cập nhật khi cần thiết. Kế hoạch này được cập nhật lần cuối vào tháng ngày 27 tháng 9 năm 2023 và đã được Hội đồng điểm trường xem xét và thông qua.

D. Thông Tin Khác của SARC	Thông tin cần có trong SARC Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.
-----------------------------------	---

2020-21 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh				
Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.				
Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	20		3	
1	18		3	
2	26		3	
3	21		3	
4	22		3	
5	21		3	
6	22		3	
Khác	11	1		

2021-22 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh				
Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.				
Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	21		3	
1	22		3	
2	16		3	
3	22		3	
4	21		3	
5	20		3	
6	20		3	
Khác	10	1		

2022-23 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	20		4	
1	19		3	
2	22		3	
3	17		3	
4	24		3	
5	21		3	
6	22		3	
Khác	8	1		

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	0

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	1
Nhân viên Xã hội	
Y Tá	.2
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	1
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	1
Khác	2

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết chi tiêu trung bình cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2021 – 2022 của nhà trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị. Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$8,891	\$1,816	\$7,075	\$94,838
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$9,228	\$97,727
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-26.4	-0.8
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,607	\$88,288
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	7.0	11.4

Các loại dịch vụ được tài trợ năm tài chính 2022 – 2023

Học khu Rosemead nhận được tài trợ của tiểu bang và liên bang cho các chương trình phân loại, giáo dục đặc biệt và các chương trình hỗ trợ khác:

- Điều I
- Điều III
- Công thức tài trợ kiểm soát địa phương (LCFF)
- Giáo Dục Đặc Biệt
- Giáo dục phát triển năng khiếu và tài năng (GATE)
- Đưa đón học sinh (dành cho Giáo dục đặc biệt)
- Tài liệu hướng dẫn
- Trợ giảng hướng dẫn
- Chương trình tự học
- Học hè
- Chương trình bồi dưỡng
- Chương trình can thiệp và nhân sự
- Phần mềm giáo dục
- Công nghệ khác

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$52,305	\$54,046
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$89,853	\$84,515
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$115,009	\$110,867
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$140,549	\$136,841
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$146,683	\$141,477
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$0	\$137,985
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$219,452	\$217,473
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	33.48%	32.43%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5.88%	5.62%

Phát triển Chuyên môn

Huyện:

Giáo viên, quản trị viên và các nhân viên khác ở Rosemead tham gia vào quá trình cải tiến liên tục thông qua nhiều hình thức phát triển chuyên môn. Sau khi xem xét dữ liệu tổng hợp và hình thức, bao gồm điểm kiểm tra, khảo sát học sinh, phụ huynh và nhân viên, các kết quả liên quan đến văn hóa học đường và học tập cảm xúc xã hội, lãnh đạo học khu và điểm trường cùng với các nhóm nội dung gồm giáo viên chính xác định các lĩnh vực trọng tâm trên toàn học khu cho giáo viên và phát triển chuyên môn quản trị viên. Năm nay, các lĩnh vực trọng tâm của PD toàn học khu bao gồm:

- Hệ thống Hỗ trợ Đa Tầng (MTSS)
- Xây dựng hướng dẫn tốt nhất cấp I đầu tiên
- Thu hút Học sinh Anh ngữ tại California thông qua Nghệ thuật (ECELA)
- Hỗ trợ và Can thiệp hành vi tích cực (PBIS)
- Lịch sử TCI còn sống! - Áp dụng Khoa học Xã hội 2023
- Khoa học Đọc - Đọc cơ bản

Địa điểm:

Hoạt động phát triển chuyên môn được tổ chức cho nhân viên, được cấp chứng chỉ và phân loại, trong Can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS) và Lãnh đạo trong Tôi (LIM)/7 Thói quen. Đội ngũ nhân viên chính của PBIS nhận được sự phát triển chuyên môn liên tục từ Phòng giáo dục hạt LA. Huấn luyện viên chương trình Staff Lighthouse (LIM) và hiệu trưởng sẽ nhận được hoạt động phát triển chuyên môn liên tục từ Franklin Covey Foundation. Đối với cả PBIS và LIM, thông tin và kiến thức chuyên môn thu được thông qua hoạt động phát triển chuyên môn sau đó sẽ được chia sẻ với những nhân viên còn lại trong các cuộc họp nhân viên

Quý Title I dựa trên cơ sở được phân bổ cho từng cấp lớp để phát triển chuyên môn. Giáo viên đăng ký các cơ hội phát triển chuyên môn với thỏa thuận rằng họ sẽ chia sẻ những gì họ đã học được tại cuộc họp nhân viên tiếp theo. Giáo viên cũng được khuyến khích tham gia phát triển chuyên môn với tư cách là một nhóm để thúc đẩy sự hợp tác. Chương trình phát triển chuyên môn bổ sung được cung cấp cho giáo viên dựa trên nhu cầu và nguồn vốn sẵn có.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2021-22	2022-23	2023-24
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	6	6	4